TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:243 /2026/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 11 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 05 năm 2026 về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình", giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2006;

Địa chỉ: Khu G (nay là thôn G), xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 2004;

Địa chỉ: Khu G (nay là thôn G), xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trường G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Hai bên trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 17/08/2023. Ly hôn hai bên thỏa thuận chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi); Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

*2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp***:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ttự nguyện chịu toàn bộ phần số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004203 ngày 11 tháng 05 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị T số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Phú Thọ;
- UBND xã Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ;
- THA Dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Lương Ngọc Dũng